

Bản án số: 41/2020/HS-PT
Ngày 20 - 5 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Danh

Các Thẩm phán: Ông Đặng Quốc Khởi

Ông Cao Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Trần Thanh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Triệu Ngọc Nhi, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 37/2020/TLPT-HS ngày 23 tháng 3 năm 2020 do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 07/2020/HS-ST ngày 17 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị Mỹ L**, sinh năm 1987 tại tỉnh Bạc Liêu. Nơi cư trú: Số XXX, NHN, K2, P7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; nghề nghiệp: Kế toán; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn B, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960; có chồng là Nguyễn Mạnh L1, sinh năm 1983 (hiện đã ly hôn); có 01 người con là Nguyễn Mạnh Q, sinh năm 2009; tiền sự: Không; tiền án: Không. Bị cáo bị khởi tố bị can ngày 12/9/2018 và được cho tại ngoại để điều tra đến nay, (có mặt).

Ngoài ra còn có ông Đỗ Thanh H1 là người đại diện theo pháp luật của Trường THPT AAA Bạc Liêu không có kháng cáo và không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập

NHẬN THẤY:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Thị Mỹ L, là nguyên kế toán của Trường trung học phổ thông (sau đây viết tắt THPT) AAA Bạc Liêu với chức năng, nhiệm vụ được giao: Lập bảng lương và làm thủ tục chuyển trả lương cho cán bộ, giáo viên của

trường; theo dõi và quản lý thu chi, lập hồ sơ, chứng từ thanh quyết toán các khoản tiền thu và chi của nhà trường... Do bị mắc bệnh thiếu máu tán huyết từ trước, để có tiền điều trị bệnh và tiêu xài cá nhân, bị cáo L đã nảy sinh ý định lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao để chiếm đoạt tiền từ tài khoản dự toán (nguồn ngân sách Nhà nước), tài khoản tiền gửi (nguồn hội phí, dạy thêm học thêm, chăm sóc sức khỏe ban đầu) của nhà trường gửi tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Bạc Liêu bằng thủ đoạn lập nhiều hồ sơ, chứng từ khống, xin hóa đơn từ các cơ sở kinh doanh, giả mạo chữ ký của bà Phú Thị C - Hiệu trưởng trường THPT AAA Bạc Liêu trong giai đoạn này để ký các hồ sơ chứng từ khống như: Hợp đồng, biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng, bảng kê chứng từ thanh toán hoặc lợi dụng lúc bà C bận nhiều việc, bị cáo L để chứng từ khống vào các chứng từ khác để bà C không phát hiện nên kí vào nhằm chuyển tiền thanh toán từ các tài khoản của trường vào tài khoản cá nhân người thân và bạn bè của bị cáo L mở tại các Ngân hàng. Sau đó, bị cáo nói với họ là có người chuyển tiền vào tài khoản, nhờ họ rút ra đưa cho bị cáo hoặc bị cáo mượn thẻ ATM và mật khẩu của họ để rút lấy tiền sử dụng. Ngoài ra, bị cáo còn lập hồ sơ, chứng từ khống giả mạo chữ ký bà C để mua sắm thiết bị cho trường nhưng chiếm đoạt sử dụng cho cá nhân hoặc trực tiếp nhận tiền hoàn tạm ứng nhưng không nhập quỹ mà sử dụng bộ chứng từ đã thanh toán trước đó để làm thủ tục hợp thức hóa rồi chiếm đoạt. Bằng phương thức, thủ đoạn như trên, trong khoảng thời gian từ ngày 25/6/2014 đến ngày 25/4/2015, bị cáo L đã 32 lần chiếm đoạt tiền từ tài khoản của trường THPT AAA Bạc Liêu, cụ thể như sau:

1. Lần thứ nhất: Ngày 25/6/2014, bị cáo hỏi mượn số tài khoản của Nguyễn Thị H2 (dì ruột bị cáo) nói cho người bạn chuyển tiền vào, bà H2 đồng ý. Sau đó, bị cáo lập giấy chuyển khoản thanh toán tiền mua tập khen thưởng học sinh và chứng từ khống, rồi đến cửa hàng văn phòng phẩm Tạ Bấu T1 xin hóa đơn bán hàng số 0072313 ghi ngày 24/5/2014 với số tiền 19.600.000 đồng. Sau đó, bị cáo lợi dụng lúc bà C bận việc thiếu kiểm tra đã để chứng từ nêu trên cùng các chứng từ khác đưa bà C ký, rồi đến bộ phận văn thư của trường gặp bà Nguyễn Thị Cẩm L3 mượn con dấu của trường đóng vào chứng từ và đến Kho bạc Nhà nước tỉnh Bạc Liêu làm thủ tục chuyển khoản. Tại đây, cán bộ Kho bạc không phát hiện nên đã làm thủ tục thanh toán chuyển tiền vào tài khoản số 0101459055 của bà H2 mở tại Ngân hàng TMCP Đông Á chi nhánh tỉnh Bạc Liêu. Sau đó, bị cáo gặp bà H2 hỏi mượn thẻ ATM và số mật khẩu đến trụ ATM của Ngân hàng TMCP Đông Á rút số tiền 19.600.000 đồng để chiếm đoạt.

2. Lần thứ hai: Ngày 27/6/2014, bị cáo rút 02 hóa đơn mua văn phòng phẩm của bộ chứng từ đã thanh toán trước đó từ nguồn thu dạy thêm năm 2014 theo giấy chuyển khoản ngày 25/6/2014 (Hóa đơn số 81371 ghi ngày 02/6/2014 với số tiền 6.950.000 đồng và hóa đơn số 81372 ghi ngày 02/6/2014 với số tiền 2.202.000 đồng) rồi lập giấy chuyển khoản thanh toán tiền mua văn phòng phẩm, bảng kê chứng từ thanh toán thành một bộ chứng từ mới. Sau đó, lợi dụng lúc bà C bận việc thiếu kiểm tra đã để chứng từ nêu trên cùng các chứng từ khác đưa bà C ký. Cùng thủ đoạn như lần thứ nhất, bị cáo đã làm thủ tục chuyển khoản thanh toán qua Kho bạc 02 lần và chuyển tiền vào tài khoản của bà Nguyễn Thị H2. Sau đó, bị cáo rút số tiền 9.152.000 đồng để chiếm đoạt.

3. Lần thứ ba: Ngày 8/7/2014, bị cáo lập giấy chuyển khoản thanh toán tiền sửa chữa máy vi tính và hợp đồng không với số tiền 12.750.000 đồng rồi đến Cửa hàng TMDV Uyên Phương xin hóa đơn bán hàng số 0091211 ngày 25/6/2014 với số tiền 12.750.000 đồng. Lợi dụng lúc bà C bận việc thiếu kiểm tra đã để chứng từ nêu trên cùng các chứng từ khác đưa bà C ký. Bằng thủ đoạn như trên, bị cáo làm thủ tục chuyển khoản thanh toán qua Kho bạc, chuyển tiền vào tài khoản số 0102012704 của Nguyễn Mạnh L1 (chồng bị cáo) mở tại Ngân hàng TMCP Đông Á chi nhánh tỉnh Bạc Liêu. Sau đó, bị cáo lấy thẻ ATM của Linh rút số tiền 12.750.000 đồng để chiếm đoạt.

4. Lần thứ tư: Ngày 14/7/2014, bị cáo rút 02 hóa đơn mua văn phòng phẩm của nhà sách Trần Phú từ 02 bộ chứng từ đã thanh toán trước đó từ nguồn thu dạy thêm năm 2014 (hóa đơn số 81363 ghi ngày 31/5/2014 với số tiền là 6.850.000 đồng, theo giấy chuyển khoản ngày 25/6/2014 và hóa đơn số 92756 ghi ngày 09/7/2014 với số tiền là 6.737.500 đồng, theo phiếu chi số 268a ngày 17/7/2014) rồi lập giấy chuyển khoản thanh toán tiền mua văn phòng phẩm, bảng kê chứng từ thanh toán thành một bộ chứng từ mới rồi giả mạo chữ ký của bà C ký vào chứng từ. Bằng thủ đoạn như trên, bị cáo làm thủ tục chuyển khoản thanh toán qua kho bạc 02 lần để chuyển tiền vào tài khoản của bà Nguyễn Thị H2. Sau đó, bị cáo lấy thẻ ATM của bà H2 rút số tiền 13.587.500 đồng để chiếm đoạt.

5. Lần thứ năm: Ngày 18/7/2014, bị cáo lập giấy chuyển khoản thanh toán tiền mua sách tham khảo, bảng kê chứng từ thanh toán với số tiền là 9.925.000 đồng rồi giả mạo chữ ký bà C để ký vào giấy chuyển khoản. Bằng thủ đoạn như trên, bị cáo làm thủ tục thanh toán qua Kho bạc chuyển tiền vào tài khoản của bà Nguyễn Thị H2. Sau đó, bị cáo rút số tiền 9.925.000 đồng để chiếm đoạt.

6. Lần thứ sáu: Ngày 28/07/2014, bị cáo lập giấy chuyển khoản thanh toán tiền mua sách, tài liệu chuyên môn với số tiền là 11.250.000 đồng, rồi liên hệ Công ty TNHH Sách thiết bị giáo dục Đức Trí xin hóa đơn số 0002175 ghi ngày 30/7/2014 với số tiền 11.250.000 đồng. Sau đó, bị cáo giả mạo chữ ký bà C để ký giấy chuyển khoản thanh toán qua Kho bạc. Bằng thủ đoạn như trên, bị cáo làm thủ tục chuyển tiền thanh toán vào tài khoản của bà Nguyễn Thị H2 rồi rút số tiền 11.250.000 đồng để chiếm đoạt.

7. Lần thứ bảy: Ngày 19/8/2014, bị cáo lập giấy chuyển khoản thanh toán tiền mua dụng cụ vệ sinh với số tiền là 5.500.000 đồng, lợi dụng lúc bà C bận việc thiếu kiểm tra đã để chứng từ nêu trên cùng các chứng từ khác đưa bà C ký. Bằng thủ đoạn như trên, bị cáo đã chuyển khoản thanh toán qua Kho bạc chuyển tiền vào tài khoản của bà H. Sau đó, bị cáo rút số tiền 5.500.000 đồng để chiếm đoạt.

8. Lần thứ tám: Ngày 28/8/2014, bị cáo lập giấy chuyển khoản thanh toán tiền mua dụng cụ vệ sinh với số tiền là 5.650.000 đồng, lợi dụng lúc bà C bận việc thiếu kiểm tra đã để chứng từ nêu trên cùng các chứng từ khác đưa bà C ký. Bằng thủ đoạn như trên, bị cáo đã chuyển khoản thanh toán qua Kho bạc,

chuyển tiền vào tài khoản của bà H2. Sau đó, bị cáo rút tiền số tiền 5.650.000 đồng để chiếm đoạt.

9. Lần thứ chín: Ngày 19/9/2014, bị cáo lập giấy chuyển khoản thanh toán tiền sửa chữa, thay thế thiết bị văn phòng với số tiền 7.450.000 đồng. Sau đó, bị cáo lập bảng kê chứng từ thanh toán rồi giả mạo chữ ký bà C để ký giấy chuyển khoản. Bảng thủ đoạn như trên, bị cáo đã chuyển khoản thanh toán qua Kho bạc, (không bổ sung hóa đơn, chứng từ thanh toán) chuyển tiền vào tài khoản của bà H2. Sau đó, bị cáo rút số tiền 7.450.000 đồng để chiếm đoạt.

10. Lần thứ mười: Ngày 22/9/2014, bị cáo lập giấy chuyển khoản thanh toán tiền mua dụng cụ vệ sinh với số tiền 5.850.000 đồng, lợi dụng lúc bà C bận việc thiếu kiểm tra đã để chứng từ nêu trên cùng các chứng từ khác đưa bà C ký. Bảng thủ đoạn như trên, bị cáo đã chuyển khoản thanh toán qua kho bạc, chuyển tiền vào tài khoản của bà H2, chuyển khoản nhưng không có chứng từ thanh toán, (không bổ sung hóa đơn, chứng từ thanh toán). Sau đó, bị cáo rút số tiền 5.850.000 đồng để chiếm đoạt.

11. Lần thứ mười một: Ngày 29/9/2014, bị cáo lập giấy chuyển khoản thanh toán tiền mua tập học sinh với số tiền là 18.200.000 đồng, rồi giả mạo chữ ký của bà C để ký chuyển khoản thanh toán qua Kho bạc chuyển tiền vào tài khoản của bà H, chuyển khoản thanh toán không có chứng từ thanh toán (không bổ sung hóa đơn, chứng từ thanh toán). Sau đó, bị cáo rút số tiền 18.200.000 đồng để chiếm đoạt.

12. Lần thứ mười hai: Ngày 02/10/2014, bị cáo lập giấy chuyển khoản thanh toán tiền mua thiết bị, đồ dùng y tế với số tiền là 15.800.000 đồng, rồi giả mạo chữ ký của bà C để ký chuyển khoản thanh toán qua Kho bạc chuyển tiền vào tài khoản của bà H, chuyển khoản thanh toán không có chứng từ thanh toán (không bổ sung hóa đơn, chứng từ thanh toán). Sau đó, bị cáo rút số tiền 15.800.000 đồng để chiếm đoạt.

13. Lần thứ mười ba: Ngày 06/10/2014, bị cáo lập giấy chuyển khoản thanh toán tiền mua văn phòng phẩm với số tiền là 8.700.000 đồng, rồi giả mạo chữ ký của bà C để ký chuyển khoản thanh toán qua kho bạc chuyển tiền vào tài khoản của bà H2 (không bổ sung hóa đơn, chứng từ thanh toán). Sau đó, bị cáo rút số tiền 8.700.000 đồng để chiếm đoạt.

14. Lần thứ mười bốn: Ngày 16/10/2014, bị cáo lập giấy chuyển khoản thanh toán tiền làm bảng mê ca chữ nổi và trang trí lớp học năm học 2014-2015 và hợp đồng không với số tiền là 14.650.000 đồng, rồi đến Cơ sở quảng cáo Minh Thư xin hóa đơn bán hàng số 0056908 ghi ngày 22/10/2014 với số tiền 14.650.000 đồng. Sau đó, L giả mạo chữ ký của bà C để ký giấy chuyển khoản thanh toán qua Kho bạc chuyển tiền vào tài khoản của Nguyễn Mạnh L1. Sau đó, bị cáo rút số tiền 14.650.000 đồng để chiếm đoạt.

15. Lần thứ mười lăm: Do là chị em bạn dì với Nguyễn Thị T3 nên bị cáo đã xin số tài khoản của T3 và nói có người bạn chuyển tiền thì T3 đồng ý. Ngày 23/10/2014, bị cáo lập giấy chuyển khoản thanh toán tiền mua nệm, giường, gối, dụng cụ phòng y tế với số tiền là 17.735.000 đồng, rồi giả mạo chữ ký của bà C để ký chuyển khoản thanh toán qua Kho bạc chuyển tiền vào tài

khoản số 0891000622844 của Nguyễn Thị T3 mở tại ngân hàng Vietcombank chi nhánh tỉnh Bạc Liêu, chuyển khoản thanh toán nhưng không có chứng từ thanh toán (không bổ sung hóa đơn, chứng từ thanh toán). Sau đó, bị cáo mượn thẻ ATM và hỏi mật khẩu của T3 để rút số tiền 17.735.000 đồng để chiếm đoạt.

16. Lần thứ mười sáu: Ngày 27/10/2014, bị cáo lập giấy chuyển khoản thanh toán tiền mua 5 cái bàn làm việc với số tiền là 49.500.000 đồng, rồi giả mạo chữ ký của bà C để ký chuyển khoản thanh toán qua kho bạc chuyển tiền vào tài khoản của em bà con bạn dì là Nguyễn Thị T3, chuyển khoản nhưng không có chứng từ thanh toán (không bổ sung hóa đơn, chứng từ thanh toán). Sau đó, bị cáo rút số tiền 49.500.000 đồng để chiếm đoạt.

17. Lần thứ mười bảy: Ngày 31/10/2014, bị cáo lập giấy chuyển khoản thanh toán tiền mua văn phòng phẩm và chứng từ khống với số tiền là 6.550.000 đồng, rồi đến cửa hàng văn phòng phẩm của ông Trần Tùng N xin hóa đơn bán hàng số 0055931 ghi ngày 28/10/2014 với số tiền tương ứng là 6.550.000 đồng. Sau đó, bị cáo giả mạo chữ ký của bà C để ký chuyển khoản thanh toán qua kho bạc chuyển tiền vào tài khoản của bà H2 và rút số tiền 6.550.000 đồng để chiếm đoạt.

18. Lần thứ mười tám: Ngày 06/11/2014, bị cáo lập giấy chuyển khoản thanh toán tiền mua 05 bộ máy vi tính với số tiền là 49.000.000 đồng, lợi dụng lúc bà C bận việc thiếu kiểm tra đã để chứng từ nêu trên cùng các chứng từ khác đưa bà C ký để chuyển khoản thanh toán qua kho bạc, chuyển tiền vào tài khoản của Nguyễn Thị T3, chuyển khoản nhưng không có chứng từ thanh toán (không bổ sung hóa đơn, chứng từ thanh toán). Sau đó, bị cáo rút số tiền 49.000.000 đồng để chiếm đoạt.

19. Lần thứ mười chín: Ngày 21/11/2014, bị cáo lập giấy chuyển khoản thanh toán tiền trồng cây sân trường với số tiền là 14.950.000 đồng, rồi giả mạo chữ ký của bà C để ký chuyển khoản thanh toán qua Kho bạc chuyển tiền vào tài khoản của bà H2, chuyển khoản thanh toán không có chứng từ thanh toán (không bổ sung hóa đơn, chứng từ thanh toán). Sau đó, bị cáo rút số tiền 14.950.000 đồng để chiếm đoạt.

20. Lần thứ hai mươi: Ngày 28/11/2014, bị cáo xin số tài khoản của Quách Thị D, nguyên kế toán của Trung tâm hướng nghiệp dạy nghề Bạc Liêu nói là có người bạn chuyển tiền, do D không có thẻ ATM nên D đã hỏi xin số tài khoản của bạn là Nguyễn Thị Thúy D1 cho Loan mượn, D1 đồng ý. Sau đó, bị cáo lập giấy chuyển khoản thanh toán tiền sửa chữa máy vi tính phòng CNTN và chứng từ khống với số tiền là 3.580.000 đồng, rồi đến cửa hàng máy vi tính Vi Phong xin hóa đơn bán hàng số 0041130 ghi ngày 27/11/2014 với số tiền tương ứng như trên, L lợi dụng lúc bà C bận việc thiếu kiểm tra đã để chứng từ nêu trên cùng các chứng từ khác đưa bà C ký để chuyển khoản thanh toán qua kho bạc chuyển tiền vào tài khoản số 001370406207938 của Nguyễn Thị Thúy D1 mở tại ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương chi nhánh tỉnh Bạc Liêu. Sau khi L nói đã chuyển tiền rồi thì chiều cùng ngày D1 đến trụ ATM của ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương rút ra đưa cho D. Đến ngày 29/11/2014, D đưa cho bị cáo số tiền là 3.580.000 đồng để chiếm đoạt.

21. Lần thứ hai mươi một: Ngày 08/12/2014, bị cáo lập giấy chuyển khoản thanh toán tiền trồng hoa kiểng sân trường và chứng từ khống với số tiền là 15.600.000 đồng, rồi đến cơ sở hoa kiểng Út Tuyết xin hóa đơn bán hàng số 0020165 ghi ngày 08/12/2014 với số tiền tương ứng như trên. Sau đó, bị cáo giả mạo chữ ký của bà C để ký chuyển khoản thanh toán qua Kho bạc chuyển tiền vào tài khoản của bà H2. Sau đó, bị cáo rút số tiền 15.600.000 đồng để chiếm đoạt.

22. Lần thứ hai mươi hai: Hàng tháng, bị cáo làm thủ tục chuyển trả lương cho giáo viên trong trường THPT AAA Bạc Liêu nên biết số tài khoản của bà Trần Kim H3 là giáo viên và bán văn phòng phẩm trong trường. Ngày 12/12/2014, bị cáo lập giấy chuyển khoản thanh toán tiền mua sách tham khảo và chứng từ khống với số tiền là 3.985.000 đồng, rồi đến quầy sách học sinh Kim Lan xin hóa đơn bán hàng số 0016992 ghi ngày 11/12/2014 với số tiền tương ứng như trên, đồng thời giả mạo chữ ký của bà C để ký chuyển khoản thanh toán qua kho bạc chuyển tiền vào số tài khoản 0101245244 của bà Trần Kim H3 mở tại ngân hàng Đông Á chi nhánh tỉnh Bạc Liêu. Sau đó, bị cáo đến gặp bà H3 nói là có người chủ chuyển tiền vào tài khoản nhờ bà H3 rút ra đưa cho bị cáo số tiền là 3.985.000 đồng để chiếm đoạt. Sau đó, bà H3 nghi ngờ nên đã in sao kê chuyển khoản thì phát hiện tiền chuyển vào tài khoản của mình là từ tài khoản của trường AAA trong khi trường không mua văn phòng phẩm của bà nên bà H3 đã báo cho bà C biết thì bà C nói với bà H3 giữ bí mật để bà C tiếp tục theo dõi.

23. Lần thứ hai mươi ba: Ngày 23/12/2014, bị cáo lập giấy chuyển khoản thanh toán tiền sửa chữa máy vi tính phòng CNTN và chứng từ khống với số tiền là 8.950.000 đồng rồi đến cửa hàng TMDV Uyên Phương xin hóa đơn bán hàng số 0067043 ghi ngày 22/12/2014 với số tiền 8.950.000 đồng. Sau đó, bị cáo giả mạo chữ ký của bà C để ký chuyển khoản thanh toán qua kho bạc chuyển tiền vào tài khoản của ông Nguyễn Mạnh L1, rồi rút số tiền 8.950.000 đồng để chiếm đoạt.

24. Lần thứ hai mươi bốn: Ngày 26/12/2014, bị cáo lập giấy chuyển khoản thanh toán tiền đóng la phong, sơn sửa các phòng học và hợp đồng khống với số tiền là 18.778.000 đồng, rồi xin hóa đơn số 0028696 ghi ngày 19/12/2014 với số tiền 18.778.000 đồng. Sau đó, bị cáo giả mạo chữ ký của bà C để ký chuyển khoản thanh toán qua Kho bạc chuyển tiền vào tài khoản của bà T3, rồi rút số tiền 18.778.000 đồng để chiếm đoạt.

25. Lần thứ hai mươi lăm: Ngày 31/12/2014, bị cáo mua 01 máy vi tính xách tay nhãn hiệu Notebook HP-450 tại Trung tâm máy văn phòng Hoàng Anh Khang với số tiền là 14.800.000 đồng để sử dụng cho cá nhân. Sau đó, bị cáo hợp thức hóa bằng cách lập bộ hồ sơ khống lấy danh nghĩa nhà trường mua như hợp đồng, thanh lý hợp đồng, biên bản bàn giao nghiệm thu và lập giấy chuyển khoản, bảng kê chứng từ thanh toán rồi yêu cầu Trung tâm máy văn phòng Hoàng Anh Khang xuất hóa đơn bán hàng số 0020540 ghi ngày 30/12/2014 với số tiền 14.800.000 đồng. Ngày 31/12/2014, bị cáo giả mạo chữ ký của bà C để ký hợp đồng, biên bản bàn giao nghiệm thu, bảng kê chứng từ thanh toán, giấy chuyển khoản thanh toán qua Kho bạc vào tài khoản số 013298090002 của cửa

hàng máy vi tính văn phòng Hoàng Anh Khang mở tại ngân hàng TMCP Đông Á chi nhánh tỉnh Bạc Liêu để thanh toán tiền mua 01 máy vi tính xách tay nhãn hiệu Notebook HP-450 cho cá nhân sử dụng.

26. Lần thứ hai mươi sáu: Ngày 4/9/2014, trường AAA ký hợp đồng với công ty Cổ phần tư vấn và thiết kế xây dựng số 1 chi nhánh Bạc Liêu để tư vấn lập hồ sơ thiết kế và dự toán cải tạo nhà vệ sinh và sơn mặt trước khối lầu 3 của trường. Sau khi công việc hoàn thành, công ty tư vấn lập hồ sơ, thủ tục thanh toán kèm theo 02 hóa đơn giá trị gia tăng cùng ghi ngày 25/9/2014 (*gồm hóa đơn số 0000202 số tiền 2.750.000 đồng và hóa đơn số 0000203 số tiền 2.200.000 đồng*) giao cho trường với số tiền trường phải thanh toán là 4.950.000 đồng. Tuy nhiên, bị cáo không thanh toán trực tiếp cho công ty số tiền này mà lập phiếu chi cho ông Đoàn Hồng S là nhà thầu sửa chữa tạm ứng số tiền trên để ông S đem đi thanh toán cho công ty tư vấn, khi ông S nộp tiền thì công ty không nhận vì ông S không phải đối tượng thanh toán ghi trong hợp đồng. Ông S đem số tiền này trả lại cho bị cáo nhưng bị cáo không lập phiếu thu nhập quỹ và hạch toán thanh toán tiền tạm ứng cho ông S mà chiếm đoạt để sử dụng. Để có chứng từ hợp thức hóa thanh toán tạm ứng cho ông S, ngày 15/10/2014, bị cáo lập giấy chuyển khoản số tiền 4.950.000 đồng đưa cho bà C ký để chuyển tiền từ tài khoản dự toán của trường tại Kho bạc vào tài khoản của ông S mở tại ngân hàng TMCP Đông Á chi nhánh tỉnh Bạc Liêu, sau đó bị cáo báo cho ông S chuyển trả nhầm và yêu cầu ông S nộp trả lại trường, khi ông S nộp trả tiền thì bị cáo lập phiếu thu nhập quỹ với nội dung hoàn tạm ứng 4.950.000 đồng để hợp thức hóa rồi chiếm đoạt. Đến ngày 07/01/2015, L lập giấy chuyển khoản đưa cho bà C ký chuyển khoản thanh toán thực chi qua Kho bạc trả cho Công ty Cổ phần tư vấn và thiết kế xây dựng số 1 chi nhánh Bạc Liêu 4.950.000 đồng.

27. Lần thứ hai mươi bảy: Ngày 26/01/2015, bị cáo lập giấy chuyển khoản thanh toán tiền mua tập khen thưởng học sinh với số tiền là 19.500.000 đồng, rồi giả mạo chữ ký của bà C để ký chuyển khoản thanh toán qua Kho bạc chuyển tiền thanh toán vào tài khoản của em bà con là Nguyễn Thị T3, chuyển khoản nhưng không có chứng từ thanh toán (không bổ sung hóa đơn, chứng từ thanh toán). Sau đó, bị cáo rút số tiền 19.500.000 đồng để chiếm đoạt.

28. Lần thứ hai mươi tám: Ngày 03/02/2015, bị cáo lập giấy chuyển khoản thanh toán tiền làm bảng mê ca khẩu hiệu trang trí lớp học và hợp đồng không với số tiền là 16.200.000 đồng, rồi đến cơ sở quảng cáo Minh Thư xin hóa đơn bán hàng số 0036364 ghi ngày 03/02/2015 với số tiền tương ứng như trên. Sau đó, bị cáo giả mạo chữ ký của bà C để ký chuyển khoản thanh toán qua kho bạc chuyển tiền vào tài khoản của Nguyễn Mạnh L1. Sau đó, bị cáo rút số tiền 16.200.000 đồng để chiếm đoạt.

29. Lần thứ hai mươi chín: Ngày 11/02/2015, bị cáo lập giấy chuyển khoản thanh toán tiền mua văn phòng phẩm với số tiền 8.000.000 đồng, rồi đến Trung Tâm Phát Hành Sách Bạc Liêu xin 03 hóa đơn cùng ghi ngày 11/02/2015, với tổng số tiền tương ứng như trên (*hóa đơn số: 0003272 số tiền 2.925.000 đồng, số 003268 số tiền 2.385.000 đồng, số 0003270 số tiền 2.690.000 đồng*). Bị cáo lợi dụng lúc bà C bận việc thiếu kiểm tra đã để chứng từ nêu trên cùng các chứng từ khác đưa bà C ký để chuyển khoản thanh toán qua Kho bạc, chuyển

tiền vào tài khoản của bà Trần Kim H3 giáo viên tại trường THPT AAA Bạc Liêu. Sau đó, bị cáo nhờ bà H3 rút ra đưa cho bị cáo để bị cáo chiếm đoạt số tiền 8.000.000 đồng. Sau khi đưa tiền cho bị cáo, bà H3 cũng nghi ngờ và báo với bà Cẩm.

30. Lần thứ ba mươi: Ngày 03/3/2015, bị cáo hỏi xin sổ tài khoản của chú chồng là ông Nguyễn Văn Tr và nói chỉ ruột chuyển tiền vào tài khoản nhưng khác hệ thống nên xin sổ tài khoản của ông Tr chuyển vào cho tiện, ông Tr đồng ý. Bằng thủ đoạn như các lần trên, bị cáo đã lập giấy chuyển khoản thanh toán tiền đóng la phong lớp học với số tiền 18.000.000 đồng và hợp đồng không, rồi xin hóa đơn số 0061993 ghi ngày 03/03/2015 với số tiền tương ứng như trên. Sau đó, bị cáo giả mạo chữ ký của bà C để ký chuyển khoản thanh toán qua kho bạc chuyển tiền vào sổ tài khoản 7201215009151 của ông Nguyễn Văn Tr mở tại ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh tỉnh Bạc Liêu. Sau đó, bị cáo nhờ ông Tr rút tiền đưa cho bị cáo số tiền 18.000.000 đồng để chiếm đoạt.

31. Lần thứ ba mươi mốt: Ngày 17/3/2015, bị cáo lập giấy chuyển khoản thanh toán tiền làm cửa lớp học và hợp đồng không với số tiền 8.400.000 đồng, rồi xin hóa đơn số 0062099 ghi ngày 17/3/2015 với số tiền tương ứng là 8.400.000 đồng. Sau đó, bị cáo giả mạo chữ ký của bà C để ký chuyển khoản thanh toán qua kho bạc chuyển tiền vào tài khoản của chú chồng là ông Nguyễn Văn Tr, rồi nhờ ông Tr rút tiền đưa cho bị cáo số tiền 8.400.000 đồng để chiếm đoạt.

32. Lần thứ ba mươi hai: Ngày 25/4/2015, bị cáo lập giấy chuyển khoản thanh toán tiền sửa chữa nhỏ với số tiền là 21.000.000 đồng, rồi giả mạo chữ ký của bà C để ký chuyển khoản thanh toán qua kho bạc chuyển tiền vào tài khoản của bà T3 như nêu trên, chuyển khoản nhưng không có chứng từ thanh toán (không bổ sung hóa đơn, chứng từ thanh toán). Sau đó, bị cáo rút số tiền 21.000.000 đồng để chiếm đoạt.

Như vậy, trong khoảng thời gian từ tháng 6/2014 đến tháng 4/2015, bị cáo Loan đã 32 lần chiếm đoạt tiền từ tài khoản của Trường THPT AAA Bạc Liêu với tổng số tiền chiếm đoạt là 457.542.500 đồng từ 32 bộ chứng từ không nêu trên (trong đó có 19 bộ chứng từ từ nguồn ngân sách nhà nước qua dự toán là 190.879.500 đồng, 13 bộ chứng từ từ các nguồn thu khác như dạy thêm, học thêm, chăm sóc sức khỏe ban đầu, quỹ hoạt động của hội phụ huynh là 266.663.000 đồng, 22 giấy chuyển khoản do bị cáo giả mạo chữ ký bà C ký, 11 giấy chuyển khoản do bà C thiếu kiểm tra ký vào).

Tại bản kết luận giám định số: 190/GĐ/2018 ngày 07/9/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bạc Liêu kết luận:

1. Chữ ký mang tên Phú Thị C trên các tài liệu cần giám định kí hiệu từ A1 đến A8; A10; A12; A13 so với chữ ký của Phú Thị C trên các tài liệu mẫu so sánh kí hiệu từ M1 đến M17 do cùng một người ký ra.

2. Chữ ký mang tên Phú Thị C trên các tài liệu cần giám định kí hiệu từ A9, A11, từ A14 đến 33 so với chữ ký của Phú Thị C trên các tài liệu mẫu so sánh kí hiệu từ M1 đến M17 không phải do cùng một người ký ra.

Tại Bản án sơ thẩm số: 07/2020/HS-ST ngày 17 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu quyết định: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Mỹ L phạm tội “*Tham ô tài sản*”. Áp dụng điểm c, d khoản 2, khoản 5 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Mỹ L 04 (bốn) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bị bắt đi thi hành án. Cấm bị cáo Nguyễn Thị Mỹ L làm nghề kế toán trong thời hạn 03 (ba) năm kể từ ngày bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03 tháng 03 năm 2020, các bị cáo Nguyễn Thị Mỹ L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa, bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu về việc giải quyết vụ án: cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 07/2020/HS-ST ngày 17 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Cấp sơ thẩm xác định tư cách tham gia tố tụng của Trường Trung học phổ thông AAA Bạc Liêu là bị hại trong vụ án là chưa chính xác, vì khách thể trong vụ án này là xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của nhà nước và bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại nên tư cách tham gia tố tụng của Trường trung học phổ thông AAA Bạc Liêu phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, việc xác định sai tư cách tham gia tố tụng của cấp sơ thẩm cũng không làm thay đổi bản chất vụ án và không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Trường trung học phổ thông AAA Bạc Liêu nên chỉ cần rút kinh nghiệm cấp sơ thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị Mỹ L thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Từ ngày 25/6/2014 đến ngày 25/4/2015, vì động cơ vụ lợi nên bị cáo đã lợi dụng chức vụ quyền hạn được giao là kế toán Trường THPT AAA Bạc Liêu đã 32 lần dùng thủ đoạn lập nhiều hồ sơ, chứng từ khống, thu thập hóa đơn từ các cơ sở kinh doanh, giả mạo chữ ký của bà Phú Thị C – Hiệu trưởng Trường THPT AAA Bạc Liêu để ký các hồ sơ chứng từ khống hoặc chen các chứng từ khống rồi vào sổ chứng từ hợp pháp để qua mặt chủ tài khoản khi duyệt chứng từ nhằm chiếm đoạt tiền từ tài khoản dự toán (nguồn ngân sách nhà nước), tài khoản tiền gửi (nguồn hội phí, dạy thêm học thêm, chăm sóc sức khỏe ban đầu) của nhà trường gửi tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Bạc Liêu với tổng số tiền chiếm đoạt là 457.542.500 đồng. Do đó, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Thị Mỹ L về tội “Tham ô tài sản theo quy định tại

điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Thị Mỹ L, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của Nhà nước được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước trong công tác đấu tranh bài trừ tham nhũng, gây bất bình trong nhân dân nên cần phải xử lý nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mới đủ cải tạo ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo và cũng để răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội. Khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã khắc phục toàn bộ thiệt hại; đại diện Trường THPT AAA Bạc Liêu có xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới, tuy nhiên án sơ thẩm chưa đánh giá hết động cơ, mục đích phạm tội, bản thân bị cáo bị bệnh thiếu máu tán huyết phải điều trị lâu dài, hoàn cảnh hết sức khó khăn, không có đủ điều kiện kinh tế để chữa trị bệnh. Sau khi phạm tội ngày 13/7/2015 bị cáo đã nộp khắc phục toàn bộ số tiền trước khi cơ quan điều tra khởi tố vụ án vào năm 2018. Trong khi Đảng và Nhà nước luôn có chính sách khoan hồng đối với người sai phạm nộp lại tài sản chiếm đoạt. Bản thân bị cáo hiện nay đã ly hôn và nuôi con nhỏ. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận một phần kháng cáo là giảm hình phạt cho bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Như đã phân tích, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận lời đề nghị của vị kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Đối với kiến nghị của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy bà Phú Thị C có nhiều thành tích trong công tác giáo dục của tỉnh Bạc Liêu, được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương lao động hạng ba và Nhà giáo ưu tú vào năm 2012, nhiều giấy khen, bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu. Sau khi sự việc xảy ra, bà C đã tích cực tác động bị cáo khắc phục toàn bộ hậu quả. Bà Phú Thị C đã nghỉ hưu vào năm 2017. Xét thấy cơ quan điều tra không khởi tố là phù hợp nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ xem xét kiến nghị của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu.

[4] Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Mỹ L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Thị Mỹ L. Sửa một phần Bản án sơ thẩm số: 07/2020/HS-ST ngày 17 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Mỹ L phạm tội “*Tham ô tài sản*”.

2. Áp dụng điểm c, d khoản 2, khoản 5 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Mỹ L 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Cấm bị cáo Nguyễn Thị Mỹ L làm nghề kế toán trong thời hạn 03 (ba) năm kể từ ngày bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Mỹ L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm số: 07/2020/HS-ST ngày 17 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02b);
- VKSND thành phố Bạc Liêu (01b);
- Cơ quan HS nghiệp vụ CA tỉnh Bạc Liêu (01b);
- TAND thành phố Bạc Liêu (01b);
- CQĐT thành phố Bạc Liêu (01b);
- Chi cục THADS thành phố Bạc Liêu (để thi hành) (01b);
- Bị cáo (01b);
- Lưu:HS, THCTP, THS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Danh